

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐỔI MỚI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ QUẢN LÝ DẠY HỌC TÍCH CỰC

A. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

I. LÍ DO PHẢI ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.

1. Mục tiêu giáo dục thay đổi; Đổi mới chương trình SGK; Phương tiện phục vụ giảng dạy thay đổi;
2. Đối tượng người dạy và người học khác so với trước đây;
3. Đánh giá hiệu quả của phương pháp đang làm để tìm ra phương pháp hiệu quả hơn;
4. Sự phát triển không ngừng của PPDH;
5. Động lực bên trong :
 - + Tri thức nhân loại không ngừng tăng, nhưng số năm học PT có hạn, do đó phải nâng cao kỹ năng tự học;
 - + Áp lực cạnh tranh, sự đòi hỏi về năng lực của người học khi bước vào cuộc sống;
 - + Khuyết điểm của ngày hôm nay có thể là sự duy trì quá lâu những ưu điểm của ngày hôm qua.

II. ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Định hướng chung

Phải tạo động lực đổi mới PPDH cho giáo viên, hoạt động đổi mới PPDH chỉ có thể thành công khi giáo viên có động lực hành động và chuyển hóa được từ ý chí trở thành tình cảm và tinh thần trách nhiệm đối với học sinh, đối với nghề dạy học. Về chỉ đạo, cần thực hiện tốt một số công tác sau đây:

- Phải có sự hướng dẫn của các cấp quản lý giáo dục về phương hướng và những việc cần làm để đổi mới PPDH. Hướng dẫn về đổi mới PPDH phải thông suốt từ các cơ quan thuộc Bộ GD&ĐT đến các Sở, Phòng GD&ĐT, cán bộ quản lý các trường học và từng giáo viên, không để giáo viên phải "đơn độc" trong việc đổi mới PPDH.
- Hoạt động đổi mới PPDH của giáo viên phải có sự hỗ trợ thường xuyên của đồng nghiệp thông qua dự giờ thăm lớp và cùng rút kinh nghiệm.
- Trong quá trình chỉ đạo đổi mới PPDH, cần nghiên cứu để tổ chức hợp lý việc lấy ý kiến của học sinh về PPDH của thầy cô giáo với tinh thần xây dựng.
- Quá trình thực hiện đổi mới PPDH phải là quá trình hoạt động tự giác của bản thân giáo viên và là phù hợp yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục.
- Cần tổ chức phong trào thi đua và có chính sách khen thưởng nhằm động viên kịp thời đối với các đơn vị, cá nhân tích cực và đạt hiệu quả trong hoạt

động đổi mới PPDH ở các trường, tổ chức nhân rộng các điển hình tập thể, cá nhân tiên tiến trong phong trào đổi mới PPDH.

2. Trách nhiệm của giáo viên và các cơ quan quản lý giáo dục

a. Trách nhiệm của giáo viên

Để đổi mới PPDH, mỗi giáo viên phải thực hiện tốt các yêu cầu sau đây:

- Nắm vững nguyên tắc đổi mới PPDH, cách thức hướng dẫn học sinh lựa chọn phương pháp học tập, coi trọng tự học và biết xây dựng các tài liệu chuyên môn phục vụ đổi mới PPDH.

- Biết những giáo viên dạy giỏi có PPDH tiên tiến ở địa phương và giáo viên giỏi cùng môn để học hỏi kinh nghiệm ở trong trường và trường bạn.

- Nắm chắc điều kiện của trường để có thể khai thác giúp bản thân đổi mới PPDH (cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị dạy học, tài liệu tham khảo...).

- Biết và tranh thủ được những ai có thể giúp đỡ mình trong việc đổi mới PPDH (đồng nghiệp, lãnh đạo tổ chuyên môn, lãnh đạo trường có tay nghề cao).

- Biết cách tiếp nhận những thông tin phản hồi từ sự đánh giá nhận xét xây dựng của học sinh về PPDH và giáo dục của mình; kiên trì phát huy mặt tốt, khắc phục mặt yếu, tự tin, không tự ty hoặc chủ quan thỏa mãn.

- Hướng dẫn học sinh về phương pháp học tập và biết cách tự học, tiếp nhận kiến thức và rèn luyện kỹ năng, tự đánh giá kết quả học tập; tự giác, hứng thú học tập.

b. Trách nhiệm của tổ chuyên môn

- Phải hình thành giáo viên cốt cán về đổi mới PPDH.

- Thường xuyên tổ chức dự giờ thăm lớp và nghiêm túc rút kinh nghiệm, tổ chức sinh hoạt chuyên môn với nội dung phong phú, thiết thực, động viên tinh thần cầu thị trong tự bồi dưỡng của giáo viên, giáo dục ý thức khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp.

- Đánh giá đúng đắn và đề xuất khen thưởng những giáo viên tích cực đổi mới PPDH và thực hiện đổi mới PPDH có hiệu quả.

c. Trách nhiệm của hiệu trưởng

- Phải phấn đấu làm người đi tiên phong về đổi mới PPDH.

- Kiên trì tổ chức hướng dẫn giáo viên thực hiện đổi mới PPDH.

- Chăm lo các điều kiện, phương tiện phục vụ giáo viên đổi mới PPDH.

- Tổ chức hợp lý việc lấy ý kiến của giáo viên và học sinh về chất lượng giảng dạy, giáo dục của từng giáo viên trong trường.

- Đánh giá sát đúng trình độ, năng lực và sự phù hợp trong PPDH của từng giáo viên trong trường, từ đó, kịp thời động viên, khen thưởng những giáo viên thực hiện đổi mới PPDH mang lại hiệu quả.

d. Trách nhiệm của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT.

- Cụ thể hóa chủ trương chỉ đạo của Bộ GD&ĐT về đổi mới PPDH cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và tổ chức tổng kết thực tiễn, tiếp tục phát triển lý luận về đổi mới PPDH.

- Tổ chức bồi dưỡng (tập trung, từ xa, hướng dẫn giáo viên tự học, tư vấn giúp đỡ qua thanh tra, kiểm tra ...) cho giáo viên về đổi mới PPDH, cung cấp những nguyên tắc đổi mới PPDH.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán của từng bộ môn và đội ngũ cộng tác viên thanh tra chuyên môn.

- Giới thiệu các điển hình, chăm sóc các điển hình, tổ chức trao đổi, phổ biến và phát huy tác dụng của các gương điển hình về đổi mới PPDH.

- Huy động, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất của địa phương, của ngành để tạo điều kiện tốt nhất có thể nhằm hỗ trợ tích cực cho việc đổi mới PPDH.

3. Công việc của GV trước khi trình bày bài giảng

a. Nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông

- Nắm vững chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu về thái độ của người học; nắm vững nội dung SGK;

- Xác định rõ mục tiêu của bài học thông qua các mức độ nhận thức : nhận biết, thông hiểu, vận dụng để đổi mới PPDH và KT&DG.

- Kỹ thuật sử dụng các phương pháp dạy học, nội dung dạy học có phù hợp hay không phụ thuộc vào sự nghiên cứu kỹ lưỡng chương trình giáo dục phổ thông (kỹ năng được hình thành sau tri thức).

+ **Nhận biết** : là nhớ lại các dữ liệu, thông tin đã có trước đây, có nghĩa là có thể nhận biết thông tin, tái hiện, ghi nhớ lại,... Đây là mức độ, yêu cầu thấp nhất của trình độ nhận thức thể hiện ở chỗ HS có thể và chỉ cần nhớ hoặc nhận ra khi được đưa ra hoặc dựa trên thông tin có tính đặc thù của một khái niệm, sự vật hiện tượng.

+ **Thông hiểu**: là khả năng nắm được, hiểu được, giải thích và chứng minh được các sự vật và hiện tượng Vật lí. Là mức độ cao hơn nhận biết, nhưng là mức độ thấp nhất của việc thấu hiểu.

Có thể cụ thể hoá mức độ thông hiểu bằng các yêu cầu :

+ Diễn tả bằng ngôn ngữ cá nhân về khái niệm, tính chất của sự vật hiện tượng.

+ Biểu thị, minh hoạ, giải thích được ý nghĩa của các khái niệm, hiện tượng.

+ Lựa chọn, sắp xếp lại những thông tin cần thiết để giải quyết một vấn đề nào đó.

+ Sắp xếp lại các ý trả lời theo cấu trúc logic.

Vận dụng: Là khả năng sử dụng các kiến thức đã học vào một hoàn cảnh cụ thể mới: vận dụng nhận biết, hiểu biết thông tin để giải quyết vấn đề đặt ra; là

khả năng đòi hỏi HS phải biết vận dụng kiến thức, biết sử dụng phương pháp hay ý tưởng để giải quyết một vấn đề nào đó.

Có thể cụ thể bằng các yêu cầu sau đây:

- So sánh các phương án giải quyết vấn đề;
- Phát hiện lời giải có mâu thuẫn, sai lầm và chỉnh sửa được;
- Giải quyết được những tình huống mới bằng việc vận dụng các khái niệm, biểu tượng, đặc điểm đã biết,...
- Khái quát hoá, trừu tượng hoá từ tình huống quen thuộc, tình huống đơn lẻ sang tình huống mới, tình huống phức tạp hơn.

b. Sử dụng SGK

- Nghiên cứu SGK, sử dụng SGK như là hình thức mô tả chương trình, trong giảng dạy không nên phụ thuộc vào SGK mà phụ thuộc vào chương trình nhiều hơn.

- GV đọc kỹ từng nội dung của bài và xác định phần nào cần trình bày trên lớp, phần nào cho HS tự học, không nhất thiết tất cả các phần đều phải trình bày trên lớp. Trong quá trình thực hiện GV cần chú ý đến sự phân hoá trình độ nhận thức của HS giữa các lớp và giữa các vùng, miền để vận dụng cho linh hoạt.

- Nhiều GV hiện nay trong giảng dạy vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào SGK, cố gắng dạy hết các mục trong SGK. Việc dạy học bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng góp phần giảm tải kiến thức, vận dụng nội dung trong SGK linh hoạt hơn và mục tiêu giáo dục vẫn đạt được.

c. Sử dụng hồ sơ chuyên môn

GV phải sử dụng hồ sơ chuyên môn tích lại thành tư liệu chuyên môn, khi giảng dạy GV sử dụng để liên hệ vào bài giảng những kiến thức thực tế sinh động. Thông thường hồ sơ chuyên môn gồm: các bài soạn hay của đồng nghiệp, sổ tích lũy, các bài báo có thông tin về chuyên môn, sách tham khảo chuyên môn, sách tham khảo về phương pháp dạy học,... GV thường xuyên cập nhật thông tin, những địa phương có điều kiện GV sử dụng một số trang web để cập nhật thông tin (một số trang web tiêu biểu), biết lấy thông tin từ các nguồn học liệu mở.

d. Chuẩn bị bài giảng

- Giáo án: soạn bài chu đáo trước khi lên lớp, GV nhất thiết phải có giáo án trên giấy, ngay cả khi sử dụng máy chiếu Projector (bài giảng điện tử). Giáo án phải định lượng đủ kiến thức và có phương pháp, hệ thống câu hỏi, thông tin phản hồi, các hoạt động của GV và HS phải được sắp xếp hợp lý, khoa học. Chuẩn bị hệ thống câu hỏi phát huy trí lực và phù hợp với khả năng tiếp thu của HS, nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới.

- Giáo án GV có thể chia thành các cột: 2, 3, 4,.. cột tùy thuộc vào ý tưởng của GV và sự thống nhất trong tổ nhóm chuyên môn.

- Đồ dùng dạy học: GV phải biết được bài dạy cần phải dùng các loại đồ dùng dạy học gì, mượn ở đâu và chuẩn bị cách khai thác đồ dùng dạy học (thể hiện ở giáo án).

4. Tiến hành bài giảng

a. GV phải làm chủ lớp học, thiết lập bầu không khí thân thiện, tích cực, chủ động giải quyết mọi tình huống bất thường bảo đảm yêu cầu sư phạm. Rèn luyện cho HS biết lựa chọn PPHT có hiệu quả, dạy học sát đối tượng (cấp, lớp, vùng, miền), coi trọng bồi dưỡng HS khá giỏi, kiên trì giúp đỡ HS học lực yếu, kém.

b. Cân đối giữa kiến thức và kỹ năng, điều quan trọng là phân tích lí giải để tìm ra nội dung kiến thức, hạn chế yêu cầu HS nhớ máy móc, tránh học vẹt và thói quen lệ thuộc vào SGK, đây cũng là nội dung hết sức quan trọng trong đổi mới PPDH.

c. Sử dụng SGK và các thiết bị, đồ dùng dạy học

- Sử dụng hợp lí SGK, không đọc chép, nhìn chép, hướng dẫn HS ghi theo diễn đạt của GV, không để HS đọc SGK trả lời GV (HS dùng SGK trả lời GV thực tế HS không hiểu gì mà chỉ phát thanh lại SGK). Trong khi giảng bài có những lúc GV yêu cầu HS cất SGK, lúc này HS làm việc một cách độc lập và sáng tạo hơn.

- Trong quá trình giảng bài có những mục, tiểu mục GV có thể cho HS sử dụng SGK tóm tắt nội dung và diễn đạt lại nội dung trên theo ý hiểu của HS.

- Sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học, phương tiện trực quan, phương tiện nghe nhìn, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Chống lạm dụng công nghệ thông tin “máy tính tuyệt vời, người sử dụng máy tính tuyệt vời hơn, nhưng đừng để máy tính che khuất người thầy trên lớp”, tránh tình trạng chuyển từ đọc chép sang nhìn chép.

d. Hoạt động của GV và HS

- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học, sử dụng tốt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn: phương pháp đọc - hiểu, phân tích, so sánh...

- GV sử dụng lời nói vừa mức cần thiết, dành thời gian cho HS phát biểu, bày tỏ chính kiến (HS tự đánh giá: HS nhận xét HS phát biểu sau đó GV kết luận lại cho chính xác), kết hợp với sử dụng sơ đồ hoá kiến thức, sử dụng sơ đồ để diễn đạt thật ngắn gọn, rõ ràng, súc tích; ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng dễ hiểu; coi trọng việc khuyến khích, động viên HS học tập; GV không nói buông lửng để HS để theo;

- Tổ chức các hoạt động tương tác, tổ chức hợp lí cho HS làm việc cá nhân, theo nhóm. Việc tổ chức hoạt động của HS cần chú ý đến nội dung bài học, đặc điểm lớp học, trình độ HS, hiện nay nhiều GV lạm dụng hoạt động theo nhóm, hiệu quả rất thấp thậm chí hiệu quả âm (nó được ví như những người cao và người thấp cùng vác 1 cây gỗ);

- GV không sửa lỗi cho HS mà khai thác lỗi để HS không còn mắc lại lỗi đó (biết trả lời câu hỏi: Tại sao dẫn đến kết quả sai);

Ví dụ như: khi HS đặt câu sai, GV khai thác lỗi sai để cho HS biết tại sao lại chọn sai.

5. Nhận dạng dạy học tích cực.

1. Nắm vững chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình, phát huy vai trò chủ đạo tổ chức quá trình học tập cho HS. Bồi dưỡng tình cảm hứng thú, tinh thần chủ động sáng tạo trong học tập, đảm bảo cân đối giữa kiến thức và kỹ năng;

2. Soạn bài chu đáo, sắp xếp hợp lý các hoạt động của GV và HS; bồi dưỡng kỹ năng vận dụng sáng tạo của HS, hạn chế ghi nhớ máy móc; thay việc sửa lỗi bằng khai thác lỗi;

3. Làm chủ lớp học, thiết lập bầu không khí thân thiện, tích cực và chủ động trong mọi tình huống sư phạm.

4. Sử dụng SGK hợp lý, không đọc chép, hướng dẫn HS chỉ ghi theo diễn đạt của GV, không để HS đọc SGK trả lời câu hỏi; sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin; làm đầy đủ các bài thực hành; làm rõ mối liên hệ mạch dọc với các cấp lớp của môn học và quan hệ liên môn;

5. Tích lũy khai thác sử dụng hồ sơ chuyên môn, liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng (ví dụ phải thật sinh động và điển hình), giao bài tập chủ đề cho HS thực hiện ở nhà, rèn luyện kỹ năng tự học;

6. GV sử dụng lời nói vừa mức cần thiết, kết hợp sử dụng sơ đồ để diễn đạt thật ngắn gọn, ngôn ngữ trong sáng dễ hiểu; coi trọng việc động viên khuyến khích HS, tổ chức HS làm việc theo nhóm và cá nhân; tuyệt đối không nói buông lửng để HS để theo;

7. Rèn luyện và lựa chọn PPDH có hiệu quả, dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng HS giỏi, kiên trì giúp đỡ HS yếu kém;

8. GV nắm vững kỹ năng và kỹ thuật dạy học cần thiết để tiến hành bài dạy đạt hiệu quả tối ưu (kỹ năng sử dụng phòng học bộ môn, máy tính, thí nghiệm,... các kỹ thuật : điều khiển nhóm, dạy học theo dự án, dạy học nêu vấn đề...).

6. Xây dựng một bài học theo PPDH tích cực

1. Xây dựng kế hoạch bài học

a. Xác định mục tiêu của bài học căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ trong chương trình

b. Nghiên cứu SGK và tài liệu liên quan để :

+ Hiểu chính xác đầy đủ nội dung bài học

+ Xác định mức độ kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản cần hình thành và phát triển ở HS

+ Xác định trật tự logic bài học

c. Xác định được khả năng đáp ứng và các nhiệm vụ nhận thức của HS:

+ Xác định được khả năng kiến thức HS đã có và cần có.

+ Dự kiến những khó khăn, tình huống có thể xảy ra và các phương án giải quyết.

d. Lựa chọn phương pháp, phương tiện, thiết bị dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách thức đánh giá cho phù hợp giúp HS chủ động sáng tạo, phát triển năng lực tự học.

e. Xây dựng kế hoạch bài học: xác định mục tiêu, thiết kế nội dung, nhiệm vụ, cách thức hoạt động, thời gian và yêu cầu cần đạt cho từng hoạt động dạy của GV và học của HS.

2. Cấu trúc của một kế hoạch bài học

a. Mục tiêu bài học

- Nêu rõ yêu cầu HS cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ

- Các mục tiêu được biểu hiện bằng các động từ :

* Mục tiêu kiến thức gồm 6 mức độ : nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo. (Tuy nhiên, tại thời điểm này chúng ta sử dụng với 3 mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng với HS phổ thông)

* Mục tiêu về kỹ năng

Gồm hai mức độ làm được và thông thạo

* Mục tiêu thái độ

Tạo sự hình thành thói quen, tính cách, nhân cách nhằm phát triển con người toàn diện theo mục tiêu.

b. Chuẩn bị của GV và HS

- GV chuẩn bị các thiết bị dạy học, các phương tiện cần thiết.

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài học (soạn bài, làm bài tập, tài liệu, đồ dùng dạy học,...).

c. Tổ chức các hoạt động dạy học

Trình bày rõ cách thức triển khai các hoạt động dạy-học cụ thể. Với mỗi hoạt động cần chỉ rõ:

- Tên của hoạt động

- Mục tiêu hoạt động

- Cách tiến hành hoạt động

- Thời lượng để thực hiện hoạt động

- Kết luận của GV về : kiến thức, kỹ năng, thái độ, những sai sót thường gặp,...

d. Hướng dẫn các hoạt động nối tiếp

Xác định cho HS những việc cần phải tiếp tục thực hiện sau giờ học để củng cố và khắc sâu kiến thức, mở rộng kiến thức,...

B. ĐỔI MỚI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Vai trò của việc đổi mới KTĐG

a. Quan niệm về KTĐG:

Trong quá trình dạy học, KTĐG là một hoạt động tất yếu, không thể thiếu. Trong đó KT là hoạt động thu thập thông tin về mức độ thực hiện mục tiêu, từ đó đánh giá hiệu quả hoạt động dạy và học. Căn cứ vào mục tiêu dạy học để quyết định nội dung và hình thức KTĐG.

Do đó có thể quan niệm KTĐG như sau:

- KT là quá trình thu thập thông tin từ riêng lẻ đến hệ thống về kết quả thực hiện mục tiêu dạy học; ĐG là xác định mức độ đạt được trong việc thực hiện mục tiêu dạy học; đánh giá đúng hay chưa phụ thuộc vào mức độ khách quan, chính xác của KT;

- KTĐG phải căn cứ vào mục tiêu dạy học, mục tiêu giáo dục, cụ thể là căn cứ vào chuẩn kiến thức, kĩ năng và yêu cầu về thái độ của học sinh đã được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông. KT và ĐG là 2 khâu trong một quá trình thống nhất nhằm xác định kết quả thực hiện mục tiêu dạy học, trong đó KT là khâu đi trước (không có KT thì không có căn cứ đánh giá);

- Kết quả ĐG là căn cứ để quyết định giải pháp cải thiện thực trạng nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục thông qua việc đổi mới tối ưu hoá PPDH của GV và hướng dẫn HS biết tự ĐG để tối ưu hoá PP học tập của mình.

- Đánh giá trong giáo dục có thể hiểu là : “Quá trình thu thập và lí giải kịp thời, có hệ thống thông tin về hiện trạng, khả năng hay nguyên nhân về chất lượng và hiệu quả giáo dục căn cứ vào mục tiêu dạy học, mục tiêu đào tạo làm cơ sở cho những chủ trương, biện pháp và hành động giáo dục tiếp theo”

- Đánh giá có thể là định tính (dựa vào các nhận xét) hoặc là định lượng (dựa vào các chỉ số giá trị). Đánh giá có hai chức năng cơ bản : xác nhận đòi hỏi độ tin cậy; xác nhận là kết quả của xác định trình độ đạt tới mục tiêu dạy học: xác định khi kết thúc một giai đoạn học tập (1 bài, chương, chủ điểm...) HS đạt được mức độ về kĩ năng và kiến thức. Điều khiển đòi hỏi tính hiệu lực; điều khiển là phát hiện lệch lạc và điều chỉnh lệch lạc: Phát hiện những mặt đã đạt được và chưa đạt được so với mục tiêu, tìm hiểu khó khăn, vướng mắc, xác định nguyên nhân và đề ra giải pháp xử lí.

b. Vai trò :

- KTĐG là công cụ quan trọng, chủ yếu xác định năng lực nhận thức của người học, điều chỉnh quá trình dạy và học, là động lực để đổi mới PPDH “thi sao học vậy”, góp phần cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo con người theo mục tiêu giáo dục.

- Thông qua KTĐG tạo điều kiện cho GV :

+ Nắm được sự phân hoá về trình độ học lực của HS trong lớp, từ đó có biện pháp giúp đỡ HS yếu và bồi dưỡng HS giỏi; có cơ sở thực tế để điều chỉnh và hoàn thiện quá trình dạy học.

+ Giúp cho HS : biết được khả năng học tập của mình so với mục tiêu đề ra và với yêu cầu của chương trình; tìm được nguyên nhân sai sót, từ đó điều chỉnh hoạt động của mình; phát triển kỹ năng tự đánh giá.

+ Giúp cho cha mẹ HS và cộng đồng biết được kết quả dạy học (Tại chỉ thị số 47/2008/CT – BGDDT ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên nghiệp năm học 2008 – 2009 có nêu năm học 2008 - 2009 thực hiện 3 công khai trong các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập để người học và xã hội giám sát, đánh giá: (1) công khai chất lượng đào tạo, (2) công khai các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, (3) công khai thu, chi tài chính, việc công khai kết quả dạy học góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ năm học này).

+ Giúp cho cán bộ quản lý giáo dục nắm được các thông tin cơ bản về thực trạng dạy và học ở đơn vị để có sự chỉ đạo kịp thời, đúng hướng.

Do vậy đổi mới KTĐG là hết sức cần thiết trong quá trình triển khai đổi mới chương trình giáo dục phổ thông để đảm bảo và giữ vững quan điểm đổi mới giáo dục phổ thông, đặc biệt tạo điều kiện thiết yếu cho việc đổi mới PPDH hướng vào hoạt động học tích cực, chủ động có mục đích rõ ràng của người học. KTĐG kết quả học tập là sự phân tích đối chiếu thông tin về trình độ kỹ năng học tập của từng HS so với mục tiêu dạy học được xác định.

Thực tiễn thông qua hội thảo “Đổi mới KTĐG thúc đẩy đổi mới PPDH” ở các địa phương đều làm rõ được vai trò việc đổi mới KTĐG.

2. Thực trạng KTĐG ở giáo dục phổ thông

a. Thực trạng :

- Trong thực tế hiện nay việc KT môn học còn thiên về kiểm tra học thuộc lòng, kiểm tra trí nhớ một cách máy móc, đơn điệu, vụn vặt. Người ra đề ít hoặc không chú ý đến các mức độ của đề ra nhằm mục đích cụ thể: Kiểm tra trí nhớ (mức độ biết, tái hiện), hay kiểm tra trình độ hiểu, trình độ vận dụng kiến thức của HS... nhằm phát triển năng lực gì ở HS. Đó là hệ quả của lối dạy học cũ, KTĐG thiên về tái hiện kiến thức, xem nhẹ kỹ năng. Kết quả là HS ít động não, phân tích suy luận vào một lĩnh vực mà không thấy được lĩnh vực liên quan, nguyên nhân hoặc kết quả của nó.

- Việc KTĐG kết quả học tập còn chưa có tác dụng mạnh mẽ kích thích, động viên HS, hoặc ra đề quá khó làm cho những HS có học lực trung bình trở lên thấy quá khó, từ đó sinh ra tâm lí chán nản, hoặc quá dễ sẽ dẫn đến HS chủ quan, tâm lí thoải mái, không đánh giá đúng trình độ của mình. Phần lớn lời phê, sửa lỗi bài làm của HS còn chung chung, ít khai thác lỗi để rèn kỹ năng tư duy cho HS... một số lời phê của GV thiếu thân thiện gây chán nản cho HS.

- Các kiến thức được KTĐG chủ yếu là kiến thức lí thuyết. Số câu hỏi về kỹ năng ít được các địa phương quan tâm và cũng chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ trong cơ cấu đề kiểm tra, đề thi. Các kiến thức KTĐG chỉ gói gọn trong chương trình của môn

học của một lớp, kể cả việc thi hết cấp. Vì vậy khó đánh giá được mức độ hiểu và nắm vững các kiến thức cần thiết, được học ở một cấp. Các dạng đề kiểm tra, hình thức KTĐG còn đơn điệu chưa thể hiện được sự thân thiện, tích cực trong KTĐG và học tập của HS; chưa coi trọng việc đánh giá giúp đỡ HS học tập thông qua kiểm tra mà chỉ tập trung chú ý vào việc cho điểm bài kiểm tra. Một số GV lạm dụng kiểm tra trắc nghiệm.

- Trong KTĐG mới chỉ tập trung vào việc GV đánh giá HS, ít tạo điều kiện cho HS đánh giá lẫn nhau, HS tự đánh giá kết quả học tập của mình. Việc đánh giá còn mang nặng tính chủ quan do chưa có chuẩn chung quy định rõ mức độ cần đạt được trong toàn quốc nên kết quả đánh giá giữa các GV, giữa các trường và các tỉnh thường khác nhau.

- Cách đánh giá như hiện nay dẫn đến việc học tủ, học vẹt của HS. Kết quả đánh giá chủ yếu nêu lên mức độ ghi nhớ bài của HS, khó đánh giá được trình độ tư duy, khả năng phát triển trí tuệ cùng như năng lực vận dụng tri thức, kỹ năng của HS. Cách đánh giá này gắn liền với PPDH thông báo, minh họa, với loại “sách giáo khoa kín” chỉ nhằm cung cấp thông tin một chiều từ thầy đến trò.

- Một bộ phận GV coi nhẹ KTĐG, do vậy trong các kì KT như bài cũ, 15 phút, 1 tiết việc ra đề còn qua loa, nhiều GV ra đề kiểm tra, thi với mục đích dễ chấm, chấm nhanh nên kết quả đánh giá chưa khách quan. Phần lớn GV chưa quan tâm đến qui trình soạn đề KT nên các bài KT còn mang nặng tính chủ quan của người dạy.

Qua tổng hợp các báo cáo Hội thảo tại Cần Thơ và Đà Lạt đa phần các địa phương đều chỉ ra được các thực trạng về KTĐG hiện nay, những nhược điểm của cách KTĐG hiện nay. Đây là dấu hiệu tích cực để thúc đẩy đổi mới PPDH và đổi mới KTĐG trên phạm vi cả nước. Đã có GV và nhà trường tích cực đổi mới và thu được kết quả tốt trong đổi mới KTĐG đồng bộ với đổi mới PPDH nhưng chưa nhiều và chưa được các cấp quản lý giáo dục quan tâm khuyến khích và nhân rộng điển hình (kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển tại Hội thảo đổi mới KTĐG thúc đẩy đổi mới PPDH môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí tại Cần Thơ)

b. Nguyên nhân của những tồn tại trên :

- Việc KTĐG chưa tuân theo một qui trình chặt chẽ mà chủ yếu được tiến hành theo kinh nghiệm của GV và thường không đảm bảo xuất phát từ mục tiêu dạy học, chưa bao quát được yêu cầu về nội dung và phương pháp đặc trưng của môn học; mặt khác do mục tiêu dạy học bộ môn nói chung và của từng bài nói riêng cũng thường thiên về kiến thức và thường thiếu cụ thể; phương pháp và công cụ đánh giá chưa đa dạng, thiếu sự phối hợp giữa kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan và tự luận;

- Thói quen dạy học thụ động và nặng với đối phó thi cử; một bộ phận GV trình độ công nghệ thông tin còn yếu.

- Một bộ phận GV chưa biết dấu hiệu và nguyên tắc của đổi mới KTĐG, coi nhẹ việc KTĐG. Bệnh chạy theo thành tích, nâng tỉ lệ khá giỏi lên lớp của lớp mình, khâu coi thi, KT còn chưa làm tròn trách nhiệm, HS quay cóp, chép bài của nhau còn khá phổ biến,...

3. Định hướng đổi mới KTĐG thúc đẩy đổi mới PPDH

a. Nhận dạng dấu hiệu đổi mới KTĐG thúc đẩy đổi mới PPDH

Quá trình dạy học bao gồm các hoạt động giảng dạy và KTĐG kết quả học tập, rèn luyện của HS. Trong thực tế, việc đổi mới KTĐG của GV biểu hiện qua một số dấu hiệu sau đây :

. Thực hiện đúng, đủ quy định của Quy chế, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra học kì; Bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng để ra đề kiểm tra, không sử dụng những nội dung xa lạ hoặc xa rời chương trình và việc KTĐG. Xác định nội dung kiểm tra : dựa trên mục tiêu của từng bài học, từng chương và toàn bộ chương trình, chuẩn kiến thức kỹ năng của môn học; đổi mới phải được gắn với phong trào hai không và xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động.

. Đánh giá sát đúng trình độ HS với thái độ khách quan công bằng, công minh, động viên tư duy sáng tạo, hướng dẫn HS biết tự đánh giá kết quả học tập, tạo điều kiện cho HS đánh giá lẫn nhau, phân biệt được đúng, sai và tìm ra nguyên nhân để từ đó tác động trở lại đến PP học tập, rèn luyện kỹ năng tư duy;

. Đánh giá một cách toàn diện cả lí thuyết, năng lực thực hành, lựa chọn tỉ lệ về kiến thức và kỹ năng phù hợp. Tùy theo mục đích đánh giá mà GV lựa chọn hình thức KTĐG khác nhau (nói, viết, bài tập, phiếu hỏi, quan sát, các bài tập theo chủ đề, kết hợp giữa kiểm tra tự luận và trắc nghiệm);

. Đề KTĐG phải đảm bảo được sự phân hoá HS : HS có trình độ cơ bản, nâng cao, HS có năng lực trí tuệ và thực hành cao hơn. Kết hợp giữa đánh giá trong và đánh giá ngoài, lấy ý kiến của đồng nghiệp, lấy đề kiểm tra từ bên ngoài để đánh giá khách quan hơn.

. Coi việc đánh giá là một công cụ học tập chứ không phải là công cụ đo lường, vì vậy nội dung đánh giá cần hướng tới đầu ra, đánh giá sự tiến bộ của HS trong quá trình học tập, động viên sự tiến bộ của học sinh, giúp học sinh sửa chữa thiếu sót; chú ý hơn tới đánh giá cả quá trình lĩnh hội tri thức của học sinh, quan tâm tới mức độ hoạt động tích cực, chủ động của học sinh trong từng tiết học tiếp thu tri thức mới, ôn luyện cũng như các tiết thực hành, thí nghiệm. Làm được điều này chính là chúng ta đang hướng tới phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

. Coi trọng KTĐG kỹ năng diễn đạt các sự vật hiện tượng bằng lời nói, chữ viết, sơ đồ, biểu đồ, thực hành,...bồi dưỡng tình cảm hứng thú học tập cho HS

b. Các tiêu chí của kiểm tra, đánh giá

. Đảm bảo tính toàn diện: Đánh giá được các mặt kiến thức, kỹ năng, năng lực, ý thức, thái độ, hành vi của học sinh.

. Đảm bảo độ tin cậy: Tính chính xác, trung thực, minh bạch, khách quan, công bằng trong đánh giá, phản ánh được chất lượng thực của học sinh, của các cơ sở giáo dục.

. Đảm bảo tính khả thi: Nội dung, hình thức, cách thức, phương tiện tổ chức kiểm tra, đánh giá phải phù hợp với điều kiện học sinh, cơ sở giáo dục, đặc biệt là phù hợp với mục tiêu theo từng môn học.

. Đảm bảo yêu cầu phân hoá: Phân loại được chính xác trình độ, mức độ, năng lực nhận thức của học sinh, cơ sở giáo dục; cần đảm bảo dải phân hoá rộng đủ cho phân loại đối tượng.

. Đảm bảo hiệu quả: đánh giá được tất cả các lĩnh vực cần đánh giá học sinh, cơ sở giáo dục, thực hiện được đầy đủ các mục tiêu đề ra.

c. Đổi mới KTĐG thúc đẩy đổi mới PPDH

KTĐG có tác dụng thúc đẩy quá trình học tập phát triển không ngừng, từ những thông tin “ngược” HS tự đánh giá mức độ lĩnh hội kiến thức, kỹ năng so với mục tiêu đặt ra, từ đó HS tự hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng bằng việc nâng cao tinh thần tự học, từ đó góp phần hình thành phương pháp tự học ở HS. Cũng nhờ thông tin ngược đó GV tự đánh giá quá trình dạy học của mình để điều chỉnh cho phù hợp và hoàn thiện hơn

KT nhằm trực tiếp đánh giá kết quả học tập của HS và cũng là đánh giá kết quả dạy học của GV, nếu học không phải thực sự là tự học và dạy không phải là dạy cách học cho HS, KTĐG không phù hợp với cách dạy và cách học thì kết quả đạt được sẽ không cao. Không thể đổi mới toàn diện quá trình dạy học nếu không đặt Dạy-Học-Kiểm tra vào một quá trình thống nhất.

Để đổi mới KTĐG GV cần xác định được công việc của mình trước khi KT và xử lý kết quả sau KT: Trước khi ra đề KT GV cần nghiên cứu kỹ chương trình, chuẩn kiến thức kỹ năng, nắm vững đặc điểm tình hình học tập của HS để yêu cầu KTĐG không quá khó, không quá dễ và vẫn đảm bảo được mục tiêu của bài, chương, môn học. Xử lý kết quả sau kiểm tra, phân hoá được trình độ HS, trên cơ sở kết quả KT coi đó là thông tin phản hồi để tác động trở lại quá trình dạy, học.

d. Thực trạng đổi mới KTĐG ở các đơn vị

- Căn cứ vào công văn số 264/BGDĐT-GDTrH ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sở GD&ĐT đã tổ chức hội thảo, kết quả cụ thể như sau:

- Để thúc đẩy đổi mới PPDH đa phần các huyện (TX,TP) đều thực hiện đổi mới KTĐG theo hướng:

+ Đa dạng hóa các hình thức KTĐG sử dụng cả tự luận và trắc nghiệm khách quan, phối hợp linh hoạt giữa hai hình thức đánh giá này. Một số đơn vị có thống kê điều tra về cơ cấu tự luận, trắc nghiệm, tỉ lệ các mức độ nhận thức trong một đề KT. Một số đơn vị đã thống nhất và đưa ra qui trình biên soạn các loại đề kiểm tra.

+ Việc đánh giá không chỉ chú trọng đến kiến thức, đến sự ghi nhớ một cách máy móc kiến thức mà đã đảm bảo được yêu cầu của dạy học của bộ môn gồm cả kiến thức - kỹ năng – thái độ :

Về kiến thức: Phải xem xét mức độ thông hiểu của học sinh các dấu hiệu đặc trưng của khái niệm, giải thích được các mối quan hệ, vận dụng tri thức để trình bày, giải thích đặc điểm

Về kỹ năng đánh giá khả năng của học sinh về: Vẽ và phân tích biểu đồ, phân tích xử lý, nhận xét số liệu, kỹ năng thực hành. Vận dụng kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng, sự vật diễn ra xung quanh cuộc sống hàng ngày.

Về thái độ, cần xem xét mức độ thể hiện của học sinh: Sự tôn trọng, bảo vệ thiên nhiên và các thành quả lao động của con người. Tích cực tham gia các hoạt động có liên quan đến môi trường.

Tuy nhiên việc triển khai đổi mới KTĐG ở các địa phương còn chưa đồng bộ, nhiều địa phương tính định hướng chưa rõ.

Việc xử lý kết quả sau kiểm tra để thúc đẩy đổi mới PPDH còn hạn chế, nhiều địa phương chưa biết cách xử lý. Đa phần các địa phương chưa đề cập đến việc tăng cường đánh giá ngoài, lấy đề KT của đồng nghiệp từ các trường ngoài để KTĐG. Các mức độ nhận thức được thể hiện trong các đề KT chưa rõ ràng.

C. MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC.

I. DẠY VÀ HỌC TÍCH CỰC.

1. Một số khái niệm liên quan đến dạy và học tích cực.

Học tích cực	Học tích cực là quá trình học có mục đích có sự tiếp thu kiến thức. Tiếp thu kiến thức, học tập tương tác, và học tập hợp tác là các phần của việc học tích cực Nhiều khái niệm khác có thể tham khảo tại : http://www.google.co.uk/search?hl=en&rlz=1T4GGLL_en-GB&defl=en&q=define:Active+learning&ei=UePTSp6GOdaGkQWFo6D5DQ&sa
Tương tác trong lớp học	Tương tác trong lớp học mô tả hình thức hoặc nội dung của hành vi hoặc tương tác xã hội trong lớp học. Cụ thể, đây là sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, học sinh và giữa học sinh với học sinh. Các yếu tố về giới, dân tộc cũng được tính đến.
Học hợp tác	Phương pháp học tập và dạy tập trung vào việc hợp tác, phối hợp
Văn hoá	Văn hoá là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử Là hành vi đối xử, nghệ thuật và niềm tin, thể chế và các tác

	<p>phẩm cũng như suy nghĩ của con người</p> <p>Văn hoá là một khái niệm dễ bị hiểu nhầm và dung nhầm, vì thế cần có sự giải thích rõ ràng</p> <p>Văn hoá liên quan đến nhiều lĩnh vực cuộc sống :</p> <p>Ngôn ngữ; Nghệ thuật và khoa học; Suy nghĩ ; Tinh thần; Hoạt động xã hội; Sự hợp tác: phạm vi quan hệ xã hội gồm có việc cho và nhận, thương thảo, các qui định và nghi lễ ngoại giao hoặc những tục lệ</p> <p>Niềm tin, giá trị kinh nghiệm, và quan điểm hình thành nên nhận thức và ứng xử. Nói cách khác một nhóm người có chung lịch sử, tôn giáo, ngôn ngữ, tư tưởng, nghệ thuật, và khoa học có thể được coi là có chung nền văn hoá</p>
Công bằng	Công bằng có nghĩa là theo đúng lẽ phải, không thiên vị
Loại trừ	<p>Trong tình trạng bị loại trừ, loại ra, làm cho mất đi, gạt riêng ra, không kể đến, không tính đến</p> <p>Loại trừ có thể xem xét trên nhiều khía cạnh khác nhau, ví dụ, loại trừ về mặt ngôn ngữ, kinh tế, dân tộc...</p>
Người hỗ trợ	Là người có thể khuyến khích và giúp đỡ người khác làm việc hiệu quả. Để đạt được kết quả thúc đẩy viên vắn khuyến khích sự tham gia đầy đủ, hiểu biết lẫn nhau, và chia sẻ trách nhiệm
Đánh giá cụ thể	<p>Được thiết kế đánh giá sao cho trả lời cụ thể học sinh về quá trình học tập, nâng cao kiến thức, hiểu biết và kỹ năng cũng như những quan điểm của học thay vì việc cho điểm</p> <p>Tập hợp thông tin về việc học tập của học sinh trong suốt quá trình của khoá học hoặc chương trình học nhằm cải thiện hoặc nâng cao kết quả học tập</p> <p>Đánh giá được thiết kế nhằm đem đến cho giáo viên và học sinh những phản hồi hiệu quả về việc đã học cái gì để việc học tiếp theo sẽ đạt được kết quả tốt hơn dựa trên thông tin về những điểm yếu và điểm mạnh của học sinh.</p> <p>Nhờ quan sát, giáo viên sẽ thấy được mức độ hiểu bài hoặc khả năng hoàn thành bài tập của học sinh và xác định xem có phần nào học sinh không hiểu hoặc không làm được. Kết quả đầu ra này quyết định những bước tiếp theo trong quá trình học và dạy. (xem Đánh giá tóm tắt)</p> <p>Quá trình hai chiều giữa giáo viên và học sinh nhằm nâng cao, nhận ra và đáp ứng tốt việc học. Việc đánh giá được cho là cụ thể khi những phản hồi từ các hoạt động học tập thích ứng với việc dạy để đáp ứng nhu cầu học tập. Những quá</p>

	<p>trình có thể học sinh kiểm soát được việc học của bản thân họ.</p> <p>Mục đích của việc đánh giá cụ thể nhằm nâng cao chất lượng học chứ không phải việc phân cấp, phân lớp cho học sinh</p>
Giới	<p>Khái niệm này liên quan đến tầm quan trọng và trách nhiệm của nam và nữ trong gia đình, xã hội và nền văn hoá của chúng ta. Khái niệm này cũng gồm cả những mong muốn về các đặc điểm, năng khiếu, và ứng xử của nam và nữ. Tầm quan trọng và những mong muốn cũng cần được biết vì chúng có thể thay đổi theo thời gian hoặc thay đổi trong hoặc giữa các nền văn hoá. Khái niệm này rất quan trọng vì nó giúp việc phân tích giới làm rõ sự lệ thuộc của giới nữ trong xã hội, Như vậy, việc lệ thuộc này có thể được thay đổi hoặc chấm dứt vì nó không phải là đặc điểm sinh học hay sự cố định lâu dài</p>
Hoà nhập	<p>Trong giáo dục, hoà nhập có nghĩa là việc cho phép tất cả người học có cơ hội tham gia đầy đủ vào mọi các hoạt động giáo dục, làm việc, giải trí, cộng đồng và trong gia đình tiêu biểu cho hoạt động xã hội hàng ngày.</p> <p>Hoà nhập là một cảm giác thuộc về một cái gì đó: cảm giác được tôn trọng, được đánh giá mình là ai; cảm nhận một mức hỗ trợ và sự tận tâm để một người có thể làm việc của mình tốt nhất.</p> <p>‘Hoà nhập’ giáo dục nhằm giải quyết sự đa dạng của học sinh trong môi trường giáo dục. Hoà nhập liên quan đến việc tạo điều kiện tối đa cho việc học và việc tham gia vào việc học của tất cả học sinh.</p>
Học độc lập	<p>Học độc lập tập trung vào việc tạo cơ hội và kinh nghiệm cần thiết cho học sinh để họ trở thành người học có năng lực, tự lực, có động lực và học suốt đời.</p> <p>Học độc lập là việc học trong đó người học, kết hợp với các nguồn và những người khác liên quan, đưa ra những quyết định cần thiết để đáp ứng nhu cầu học của chính người học.</p> <p>Trong quá trình này, những người học độc lập phát triển giá trị, thái độ, kiến thức và kỹ năng cần thiết để đưa ra những quyết định có trách nhiệm và hành động để giải quyết việc học của chính họ. Học độc lập được tăng cường bằng việc tạo ra cơ hội và kinh nghiệm kích thích động cơ học của người học, kích thích sự tò mò, sự tự tin và sự tự lập của họ; việc này dựa vào việc hiểu của người học về sở thích của chính họ và việc đánh giá việc học vì lợi ích của chính họ.</p>

	Học độc lập là một phần của quá trình học suốt đời, học liên tục kích thích việc tư duy, đồng thời tăng cường sự phát triển liên tục khả năng và sức mạnh của người học. ưu thế hơn việc học thuộc sự kiện và kỹ năng, phương pháp học này khuyến khích người học tự làm cho kiến thức mới có nghĩa đối với họ dựa vào việc họ hiểu tại sao kiến thức mới liên quan đến kinh nghiệm, sở thích và nhu cầu của chính họ và mối liên hệ đó như thế nào.
Đầu vào	Là những gì đưa vào trong một quá trình/ dự án với dự định hình thành những đầu ra của quá trình/ dự án đó
Học tương tác	Học tương tác mô tả phương pháp tiếp thụ thông tin thông qua cách thức thực hành, tương tác. Việc này đối lập với học thụ động, chỉ thông qua quan sát một quá trình học hoặc chỉ nghe thông tin. Học tương tác là một phương pháp phổ biến sử dụng trong môi trường giáo dục ngày nay, và thường liên quan đến việc sử dụng máy tính và những trang thiết bị khác. Học tương tác: học trong sự tương tác với đồng nghiệp: trò chuyện, thảo luận, thông tin, lắng nghe...
Cách học	Cách học là cách thức tiếp cận học tập khác nhau. Chúng liên quan đến cách học đặc biệt đến việc một cá nhân học có hiệu quả. Hầu hết, mọi người thích cách học tương tác, tham gia hoặc tiếp thụ thông tin Phương pháp học là sự ưu tiên khác nhau và những phương pháp cho người học trong quá trình học tập Cách học được ưa thích trong đó học sinh lĩnh hội, tổ chức và ôn lại kiến thức. Những người khác có thể thích cách khác chẳng hạn như học trực tiếp, học từ xa qua đài, học bằng cảm xúc, học qua thực hành, hoặc bằng cách kết hợp tất cả những phương pháp trên
Định hướng giới	Về giới: Đây là một phương pháp dùng để phối hợp những nhu cầu của nam và nữ cũng như những kỹ năng sẽ được hình thành và thực hành về chính trị kinh tế và tôn giáo, và phạm vi xã hội để cân bằng những lợi ích của nam và nữ. Bất bình đẳng nên nhanh chóng mất đi. Các tổ chức với định hướng giới trong các hoạt động của họ là có được văn hoá tổ chức đáp ứng giới. Đây là văn hoá trong đó mọi người đáp lại một cách chắc chắn đến những yêu cầu tổ chức mà họ thể hiện các cam kết về bình đẳng giới trong các hoạt động hàng ngày và sự tương tác với những người khác.
Đạy học vi mô	Là một kỹ năng dùng cho các khoá học ví dụ một phần của

	<p>bài học được dạy cho một số ít học sinh. Sự thay đổi của dạy học vi mô là "dạy học lẫn nhau" trong đó "học sinh" chính là "người dạy" cho "giáo viên thực tập" tham dự khoá học đó.</p> <p>Dạy học vi mô được tổ chức theo cách dạy thực hành. Mục đích là tạo cho giáo viên sự tự tin, hỗ trợ và phản hồi bằng để họ thể hiện giữa bạn bè và đồng nghiệp một phần kế hoạch làm việc của họ với học sinh. Dạy học vi mô nhanh, hiệu quả, vui và giúp cho giáo viên thoát khỏi sự bắt đầu bỡ ngỡ</p>
Kết quả đầu ra	<p>Kết quả, tác động của các hoạt động. Các kết quả đầu ra được đặt kế hoạch mong muốn đạt được. Những kết quả đầu ra thực tế là kết quả và tác động thực.</p> <p>Kết quả việc thực hiện dự án là một ví dụ. nó không giống "đầu ra"</p>
Đầu ra	Kết quả trực tiếp của việc tương tác các thành phần đầu vào và các quá trình; loại hình và số lượng của hàng hoá và dịch vụ có được từ một hoạt động, dự án hoặc chương trình
Tương đồng	<p>Sự đồng đẳng, ngang hàng với nhau</p> <p>Tính bình đẳng thể hiện qua thực tế và số liệu đồng bộ</p>
Người tham gia	Người tham gia trong các hoạt động
Học tham gia	Bất cứ quá trình học nào khuyến khích việc tham gia tích cực của nhiều người học
Học bị động	<p>Học sinh được đánh giá tham gia khoá học một cách bị động không có bất kỳ sự chuẩn bị nào và không sẵn sàng để nạp bất kỳ chút kiến thức nào. Ở những lớp học kiểu cũ, giáo viên thường đọc bài cho học sinh chép một cách bị động như kiểu "mớm cơm" và giáo viên cũng không hề khuyến khích học sinh suy nghĩ độc lập</p> <p>Kiến thức đạt được không có bất kỳ sự cố gắng nào</p>
Đánh giá trong nhóm	<p>Là việc đánh giá kết quả của học sinh, sản phẩm, quá trình học tập của bạn cùng lớp.</p> <p>Quá trình của kiểm tra công việc của người khác cần có tiêu chuẩn và cấu trúc phản hồi</p> <p>Là một phản hồi trong đó mỗi cá nhân làm việc một cách hợp tác để đánh giá lẫn nhau</p>
dạy trong nhóm	Học tập lẫn nhau là việc học sinh học từ bạn bè với những lợi ích chung và liên quan đến việc chia sẻ kiến thức, ý tưởng, và kinh nghiệm. Thêm nữa, cách học này còn giúp học sinh chia sẻ cảm xúc lẫn nhau ngoài việc học

	Học tập lẫn nhau gồm nhiều cách thức học tập, ví dụ một người kèm một người, thuyết trình do các học sinh khá, tốt; đến việc học sinh tự giúp nhau học, học nhóm tại thư viện hoặc phòng chức năng, học ngoài trường, ngoài lớp.
Thời lượng nói của người học	Mục đích của học tích cực là tăng thời lượng nói của người học
(Học) tư duy	Đề cập đến mức độ lớn hoặc sâu hơn của việc xử lý tài liệu học. Đối lập với học không tư duy (non-reflective), tài liệu chỉ được xử lý với ít hoặc không có việc hiểu hoặc tư duy phân tích/ active thinking (ví dụ, học thuộc lòng) hoặc hiểu, reflective learning yêu cầu người học suy nghĩ rất nhiều, hoặc phải có khả năng nhận thức. Khái niệm này liên quan đến tư duy phân tích, nhận xét.
Học vẹt	Học vẹt là cách mà không hiểu về môn học hoặc chỉ tập trung vào thuộc lòng. Việc thực hành của học vẹt là việc nhắc đi nhắc lại. Ý tưởng mà một học sinh có thể nhớ lại ý nghĩa của bài học nhanh là học sinh đó đọc đi đọc lại nội dung. Là một cấp độ học tập mà học sinh có thể nhắc lại một điều gì đã học chứ không cần hiểu hoặc có khả năng áp dụng điều đã học
Đánh giá tổng kết	Đánh giá ở phần kết mỗi buổi học nhằm kiểm tra kỹ năng và kiến thức của học sinh. Kết quả đầu ra là yêu cầu cao nhất suốt quá trình học tập của từng đơn vị học phần, từng môn học và từng năm học
Thời lượng nói của giáo viên	Một trong những mục đích của phương pháp học tích cực là giảm thời lượng nói của giáo viên
Tư vấn nghề nghiệp	Là quá trình mà giáo viên hoặc tư vấn viên giúp học sinh hiểu để lựa chọn một chương trình học, định hướng về nghề nghiệp Tư vấn về cơ hội nghề nghiệp: định hướng hoặc hướng dẫn đi đến quyết định lựa chọn Một tư vấn viên có thể giúp học sinh lập kế hoạch đạt được những mục tiêu cũng như có được những hỗ trợ và động viên Một tư vấn viên là người đã được đào tạo để tư vấn giúp đỡ học sinh phát triển những mục tiêu nghề nghiệp. Thậm chí nếu học sinh không nắm chắc mục tiêu của họ, tư vấn viên sẽ kết hợp giúp đỡ học sinh trong việc quyết định học ở đâu và xây dựng kế hoạch nhằm đạt được mục tiêu
Phát triển	Cập nhật những kiến thức chuyên môn và nâng cao cạnh

chuyên môn liên tục	<p>tranh lành mạnh trong suốt quá trình học tập và làm việc, Phát triển chuyên môn liên tục là lời cam kết luôn luôn cập nhật, trau dồi và nâng cao kiến thức chuyên môn</p> <p>Phát triển chuyên môn liên tục là quá trình hoặc hoạt động trau dồi hoặc nâng cao khả năng chuyên môn thông qua nâng cao kiến thức, kỹ năng và chất lượng cần thiết việc thực hiện thích hợp những nhiệm vụ chuyên môn.</p> <p>Làm thế nào để duy trì chuyên môn liên tục và mở rộng kiến thức, phát triển kỹ năng, nâng cao chất lượng là yêu cầu trong đời sống chuyên môn của giáo viên</p> <p>Tóm lại, Phát triển chuyên môn liên tục được coi là việc cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn.</p>
Người tư vấn	<p>n) người có kinh nghiệm và đáng tin cậy</p> <p>(v) là giáo viên hoặc tư vấn viên. "Giáo sư đã giúp đỡ cô suốt những năm học"; " Cô ấy là một giáo viên tốt nhưng ko thích tư vấn, giúp đỡ"</p>
Tư vấn	Xây dựng mối quan hệ trong đó có sự tư vấn dày dặn kinh nghiệm và hiểu biết giúp đỡ nhằm nâng cao năng lực cụ thể
Tâm lý học đường	Yếu tố này trong giáo dục được miêu tả như là một phạm trù bên cạnh việc học tập (ví dụ: hỗ trợ về tâm tư tình cảm hoặc tâm lý...)

2. Đặc trưng của dạy và học tích cực:

- Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động của học sinh.
- Chú trọng rèn luyện phương pháp tự học.
- Tăng cường học tập cá thể phối hợp với học tập hợp tác.
- Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò.
- Dạy và học tích cực nhấn mạnh: Tính hoạt động cao của người học; Tính nhân văn cao của giáo dục.

- Bản chất của dạy và học tích cực là : Khai thác động lực học tập của người học để phát triển chính họ; Coi trọng lợi ích nhu cầu của cá nhân người học, đảm bảo cho họ thích ứng với đời sống xã hội.

3. Ý tưởng cơ bản về dạy và học tích cực.

Dạy và học tích cực thể hiện điều gì ?

Giáo viên - Học sinh: Tạo ra tác động qua lại trong môi trường học tập an toàn.

Giảng viên/giáo viên:

- Thiết kế và tạo môi trường cho phương pháp học tích cực.

- Khuyến khích, ủng hộ, hướng dẫn hoạt động của HS.
- Thử thách và tạo động cơ cho HS.
- Khuyến khích đặt câu hỏi và đặt ra những vấn đề cần giải quyết.

Giáo sinh/Học sinh:

- Chủ động trao đổi/xây dựng kiến thức.
- Khai thác, tư duy, liên hệ.
- Kết hợp kiến thức mới với kiến thức đã có từ trước.

4. Năm yếu tố thúc đẩy dạy và học tích cực.

1. Không khí và các mối quan hệ nhóm

- Xây dựng môi trường lớp học mang tính kích thích (bàn ghế, trang trí trên tường, cách sắp xếp không gian lớp học...).
- Quan tâm tới sự thoải mái về tinh thần.
- Hỗ trợ cá nhân một cách tích cực.
- Tạo cơ hội để học sinh giao tiếp, thể hiện quan điểm, giá trị, mơ ước, chia sẻ kinh nghiệm,.. và hợp tác trong các hoạt động tổ chức và học tập.
- Tạo ra môi trường học tập thoải mái, không căng thẳng, không nặng lời, không gây phiền nhiễu.
- Cho phép có các hoạt động giải trí nhẹ nhàng, truyện vui, đùa giỡn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Sự phù hợp với trình độ phát triển

- Tính tới sự phân hoá về nhịp độ học tập giữa các học sinh khác nhau.
- Tính tới sự khác biệt về trình độ phát triển của học sinh.
- Trình bày sáng rõ về những mong đợi của thầy ở trò (nhất trí thoả thuận)
- Đưa ra các yêu cầu rõ ràng, tránh mơ hồ, đa nghĩa.
- Cho phép học sinh giúp đỡ lẫn nhau.
- Quan sát trẻ học tập để tìm ra phong cách và sở thích học tập của từng em.
- Dành thời gian đặt các câu hỏi yêu cầu trẻ động não và hỗ trợ từng học sinh.
- Tạo điều kiện trao đổi về nhiệm vụ với trẻ (vòng tròn đánh giá).

3. Sự gắn gũi với thực tế:

- Nỗ lực gắn liền nội dung nhiệm vụ với các mối quan tâm của trẻ và thế giới thực tại xung quanh.
- Tận dụng mọi cơ hội có thể để tiếp xúc với vật thực/tình huống thực.
- Sử dụng các công cụ dạy học hấp dẫn (trình chiếu, video, tranh ảnh,...) để “mang” học sinh lại gần đời sống thực tế.
- Giao các nhiệm vụ có ý nghĩa với trẻ, và là những nhiệm vụ vận dụng môn học.

- Khai thác những đề tài vượt lên trên những giới hạn của các môn học riêng rẽ.

4. Mức độ hoạt động:

- Hạn chế tối đa thời gian chết và thời gian chờ đợi.
- Tạo ra các thời điểm hoạt động và trải nghiệm tích cực.
- Tích hợp các hoạt động học mà chơi/các trò chơi giáo dục.
- Thay đổi xen kẽ các hoạt động và nhiệm vụ học tập.
- Tăng cường các trải nghiệm thành công.
- Tăng cường sự tham gia tích cực.
- Đảm bảo hỗ trợ đúng mức (học sinh hỗ trợ lẫn nhau và hỗ trợ từ thầy cô).
- Đảm bảo đủ thời gian thực hành.

Mối quan hệ giữa các mức độ hỗ trợ của GV với nhu cầu của HS:

Hỗ trợ \ Nhu cầu	Nhiều	Ít	Không có
Nhiều	Cân bằng	Tương tác tích cực	Thiếu thốn (bị bỏ rơi)
Ít	Nhàm chán	Cân bằng	Tương tác tích cực
Không có	Tương tác tiêu cực	Nhàm chán	Cân bằng

5. Phạm vi tự do sáng tạo:

- Trẻ có thường xuyên được lựa chọn hoạt động hay không?
- Trẻ có được lên kế hoạch/đánh giá bài học, nhiệm vụ và hoạt động hay không?
- Trong khuôn khổ một số nhiệm vụ nhất định, trẻ có được tự do xác định quá trình thực hiện và bản chất sản phẩm hay không?
- Trẻ có được giao nhiệm vụ trên cơ sở thực tiễn nhà trường và thực tế nhóm hay không?
- Từ đó:
 - Động viên khuyến khích trẻ tự mình giải quyết vấn đề.
 - Đặt các câu hỏi mở, yêu cầu tự luận - thay vì các câu hỏi đóng mang tính nhắc lại (cho phép trẻ đào sâu suy nghĩ sáng tạo).
 - Tạo điều kiện và cơ hội để trẻ tham gia.

D. BỘ CÔNG CỤ HỖ TRỢ QUẢN LÝ

MẪU KẾ HOẠCH

Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá ở trường phổ thông

Căn cứ của kế hoạch:

-
-
-

Phần 1: Thực trạng đổi mới PPDH, KTĐG của nhà trường

1. Mặt tích cực:

- Tích cực triển khai các hoạt động đổi mới PPDH, KTĐG do cấp trên tổ chức, chỉ đạo;

- Nhận thức và trình độ của CBQL và GV trong trường được nâng cao, đông đảo GV có ý thức sử dụng các PPDH và KTDH tích cực; chủ động khai thác các nguồn tư liệu tham khảo để sử dụng trong dạy học; có chú trọng đến việc tổ chức hoạt động của HS trong dạy học, khuyến khích HS trao đổi thảo luận với nhau và thảo luận với GV trong bài học; nhiều GV tích cực sử dụng các TBDH, ứng dụng CNTT trong dạy học và KTĐG; kỹ năng KTĐG kết quả học tập của HS được nâng cao.

- HS đã tích cực, chủ động hơn trong hoạt động chiếm lĩnh kiến thức; ngoài hoạt động học trên lớp, HS đã chủ động hơn trong việc tìm kiếm tài liệu tham khảo để tự học, tự rèn luyện; nhiều HS có kỹ năng tốt trong việc sử dụng CNTT, khai thác các nguồn học liệu trên mạng để chiếm lĩnh kiến thức...; bước đầu HS đã có ý thức tự đánh giá kết quả học tập của mình và đánh giá lẫn nhau khi được yêu cầu...

- HT, CBQL trong trường đã chú trọng tăng cường CSVC phục vụ đổi mới PPDH, KTĐG: đầu tư xây dựng các phòng học bộ môn; mua sắm trang thiết bị hiện đại phục vụ dạy học, KTĐG; xây dựng nguồn học liệu; trang bị máy tính và mạng internet phục vụ GV và HS tìm kiếm tư liệu; mua sắm dụng cụ thí nghiệm...

- Công tác quản lý hoạt động đổi mới PPDH, KTĐG của nhà trường đã có bước phát triển, chuyên nghiệp hoá từ việc lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch. Các hoạt động SHCM của tổ chuyên môn từng bước đổi mới và đi vào hiệu quả...

2. Mặt hạn chế:

- Một bộ phận GV chưa nhận thức đầy đủ về đổi mới PPDH, KTĐG nên việc thực hiện còn hình thức, đối phó;

- Trình độ của GV trong việc vận dụng các PPDH, KTDH mới còn hạn chế nên hiệu quả tổ chức hoạt động nhận thức của HS còn thấp; việc ứng dụng CNTT chưa thực sự đúng lúc, đúng chỗ, nhiều khi còn rơi vào tình trạng lạm dụng gây hậu quả trái ngược; việc sử dụng TBDH và tài liệu hỗ trợ chưa thường xuyên, chưa hiệu quả...

- Sự chủ động, tích cực của HS trong các bài học chưa cao; kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong học tập còn thấp; kỹ năng thực hành còn hạn chế; khả năng tự học chưa cao...

- KTĐG với chỉ chú trọng đến điểm số, việc đánh giá quá trình hầu như chưa được thực hiện; chưa đẩy mạnh việc đánh giá kỹ năng thực hành, khả năng nghiên cứu khoa học của HS...

3. Một số nguyên nhân của hạn chế:

- KTĐG chưa đồng bộ với đổi mới PPDH, chưa tạo động lực cho đổi mới PPDH;

- CSVC, TBDH, TLBT còn thiếu thốn, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới;

- Nhận thức, trình độ vận dụng các PPDH, KTDH, KTĐG theo hướng đổi mới còn thấp, chưa nhuần nhuyễn, dẫn đến tâm lý ngại sử dụng...

- Thói quen thụ động, tâm lý "ứng thí" của HS và CMHS;

- Công tác quản lý hoạt động đổi mới PPDH, KTĐG còn thiếu hiệu quả, khiến cho hoạt động đổi mới chưa thường xuyên, chưa thực chất...

II. Phần 2: Kế hoạch đổi mới PPDH, KTĐG

1. Mục tiêu:

- Toàn thể GV trong nhà trường có nhận thức đúng đắn về đổi mới và vận dụng được các PPDH và KTDH mới; sử dụng hiệu quả các TBDH và TLBT để tổ chức hoạt động dạy học trên lớp và hướng dẫn HS tự học ở nhà; sử dụng hợp lý các hình thức KTĐG kết quả học tập của HS, tăng cường sử dụng hình thức tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS.

- HS tích cực, chủ động trong học tập trên lớp và ở nhà; được hoạt động nhiều hơn, thực hành nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn.

- Phát triển hệ thống TBDH và tài liệu hỗ trợ phục vụ hoạt động dạy học và KTĐG theo tinh thần đổi mới.

2. Các hoạt động:

HĐ1: Phân tích chương trình môn học, căn cứ vào chuẩn KT, KN xây dựng tiến trình phù hợp với PPDH tích cực để thống nhất thực hiện trong toàn trường.

HĐ2: Xây dựng nội dung và các hình thức KTĐG.

HĐ3: Tổ chức SHCM của nhà trường dựa trên NCBH.

HĐ4: Thiết kế và tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS.

HĐ5: Tổ chức hoạt động NCKH cho HS.

HĐ6: Thiết kế và triển khai một số dự án học tập cho HS.

HĐ7: Tổ chức thi tự làm TBDH.

3. Nguồn lực:

a) Bộ máy tổ chức và nhân lực dạy học

- Tổ chức bộ máy thực hiện kế hoạch đổi mới PPDH, KTĐG: Thành lập Ban chỉ đạo; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo; Phân công nhiệm vụ cho các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể...

- Sử dụng đội ngũ GV cốt cán, GV đầu đàn, GV chủ nhiệm...

b) Cơ sở vật chất và TBDH

- Phòng học bộ môn: Xây dựng, khai thác sử dụng;

- Hệ thống TBDH và tài liệu hỗ trợ;

- Thư viện;

- Nguồn tư liệu dạy học trực tuyến...

c) Ứng dụng CNTT-TT

- Ứng dụng CNTT-TT trong sinh hoạt chuyên môn;

- Ứng dụng CNTT-TT trong quản lý hoạt động của GV;

- Ứng dụng CNTT-TT trong quản lý hoạt động học của HS;

- Ứng dụng CNTT-TT trong quản lý, khai thác và sử dụng TBDH, thư viện và tư liệu dạy học.

d) Tài chính

- Đầu tư CSVC, TBDH, CNTT;

- Tổ chức các hoạt động chuyên môn: SHCM, thao giảng, các dự án học tập của HS, tổ chức cho HS nghiên cứu khoa học, các cuộc thi dành cho HS...

- Khen thưởng GV và HS.

5. Biện pháp

STT	Tên hoạt động	Biện pháp thực hiện	Phân công phụ trách	Thời gian hoàn thành
1	Phân phối chương trình môn học	- Xác định chuẩn KT, KN theo giai đoạn (8 tuần, 16 tuần, 24 tuần, 32 tuần); - Xác định các chủ đề dạy học, phân bổ thời gian và xác định PPDH, KTDH sẽ sử dụng;	- PHT phụ trách CM; - Tổ trưởng chuyên môn;	15/9
2	Xây dựng nội dung và hình thức KTĐG	- Xác định nội dung đánh giá KT, KN của HS theo giai đoạn; xác định các nội dung áp dụng hình thức tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau, đánh giá không cho điểm. - Xây dựng ngân hàng đề; ngân hàng câu hỏi; tiêu chí đánh giá kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành của HS.	- PHT phụ trách CM; - Tổ trưởng CM	30/9
3	Tổ chức	- Tổ chức SHCM điểm đến	- HT, PHT	Theo định kì

STT	Tên hoạt động	Biện pháp thực hiện	Phân công phụ trách	Thời gian hoàn thành
	SHCM theo NCBH	thay đổi nhận thức của GV về SHCM; - Chỉ đạo SHCM của tổ CM theo định kì 2 lần/tháng; - Đánh giá thi đua, khen thưởng.	phụ trách chuyên môn; - Tổ trưởng CM	SHCM
4	Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp	- Xác định các chủ đề hoạt động; - Triển khai thực hiện; - Đánh giá, khen thưởng	- PHT phụ trách CM và CSVC; - GV chủ nhiệm; - Đoàn TN	15/9
5	Tổ chức hoạt động NCKH cho HS	- Phổ biến chủ trương, cho HS đăng kí; - GV đăng kí hướng dẫn; liên hệ với các trường ĐH đề nghị GV hướng dẫn; - Xác định các đề tài, cho HS lựa chọn; - Giới thiệu HS với GVHD; - Tổ chức Hội nghị khoa học dành cho HS	- HT, PHT phụ trách CM; - Tổ trưởng CM; - GV hướng dẫn	30/9
6	Tổ chức các dự án học tập	- Xác định các DA học tập để giao cho HS thực hiện; - Tổ chức triển lãm sản phẩm, đánh giá, khen thưởng.	- PHT phụ trách CM và CSVC; - Tổ trưởng CM và GV bộ môn	15/10
7	Thi chế tạo TBDH	- Xây dựng quy chế cuộc thi, phổ biến chủ trương; - Đánh giá, khen thưởng;	- HT, PHT chuyên môn, CSVC; - Tổ trưởng CM.	20/11

6. Tổ chức thực hiện

- Kế hoạch năm học;
- Kế hoạch tháng;
- Kế hoạch tuần.

KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG

KHỐI LỚP:

Tiết theo PPCT:.....

Trường:.....

Họ tên giáo viên:.....

Mobil:.....

TÊN BÀI GIẢNG

I/ MỤC TIÊU (Dành cho người học)

1) Kiến thức

Kiến thức nào giáo viên mong đợi người học đạt được khi kết thúc bài học?

Sau bài học, người học...

2) Kỹ năng

Kỹ năng nào giáo viên mong đợi người học đạt được khi kết thúc bài học?

Sau bài học, người học có thể...

3) Thái độ

Bài học này chú trọng rèn luyện thái độ nào cho người học?

Sau bài học, người học ý thức về...

II/ CÂU HỎI QUAN TRỌNG

- Những câu hỏi nào nhấn mạnh đến sự hiểu biết, đem lại sự thay đổi của quá trình học tập?
- Liệt kê các câu hỏi mà bài học có thể trả lời. Các câu hỏi nên liên quan đến nội dung bài học, và các câu hỏi bao quát để người học có thể ứng dụng kiến thức, kỹ năng học được vào thực tế cuộc sống.

III/ ĐÁNH GIÁ

Bảng chứng đánh giá

- Bằng những cách nào học sinh có thể thể hiện được mức độ hiểu của mình sau bài học?
- Liệt kê các hình thức đánh giá (bài tập ứng dụng, quan sát, bài tập viết, câu đố, v.v) và các công cụ đánh giá (đánh giá theo thang điểm, đánh giá bằng điền phiếu có/không, hay đánh giá theo hồ sơ học tập).
 - Trong bài giảng
 - Sau bài giảng

IV/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Liệt kê các tư liệu, đồ dùng, trang thiết bị phục vụ cho bài học.

V/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1) Các nội dung trong mục này cần thể hiện rõ

- Các tài liệu, phương tiện nào cần được sử dụng để hỗ trợ người học học tập?
- Mô tả cụ thể các hoạt động của bài học: bao gồm thời gian, mục tiêu, phương pháp, nội dung, diễn biến hoạt động và tư liệu/đồ dùng được sử dụng. Cụ thể:
 1. Chia lượng kiến thức cần truyền đạt thành những đơn vị nhỏ. Liên kết (link) các đơn vị kiến thức nhỏ với các tư liệu điện tử bằng những modul phần mềm theo phương pháp tổ chức tiến hành bài giảng của giáo viên.
 2. Tạo sự tương tác giáo viên - tư liệu điện tử - học sinh để học sinh chủ động chiếm lĩnh và khắc sâu kiến thức.
 3. Xây dựng các tình huống hấp dẫn (nhờ phương tiện CNTT) để học sinh được trao đổi, tranh luận tự giải quyết vấn đề. Tăng cường làm việc theo nhóm.
 4. Giáo viên cần cân nhắc và suy nghĩ cẩn thận về việc nên ứng dụng CNTT cho phần nào là phù hợp. Chỉ rõ các nội dung cần ứng dụng CNTT, thời gian sử dụng. Chỉ sử dụng CNTT nếu thấy thật sự cần thiết, thật sự có lợi và tăng hiệu quả, giá trị việc dạy học.
- Thể hiện đầy đủ các quy định về khung bài soạn và các bước lên lớp.

2) Các hoạt động dạy và học

Hoạt động 1:

- Mục đích/Mục tiêu, thời gian:
- Phương pháp:
- Phương tiện, tư liệu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò

.....
.....

Hoạt động n:

- Mục đích/Mục tiêu, thời gian:
- Phương pháp:
- Phương tiện, tư liệu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò

VI/ TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các tài liệu tham khảo trong quá trình chuẩn bị và tiến hành giảng dạy.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG

1. Thông tin chung

Tên bài học, môn, lớp: _____

Tiết học theo PPCT _____

Giáo viên soạn bài: _____

Trường: _____

2. Người đánh giá

Họ tên: _____

Đơn vị: _____

Điện thoại, e-mail: _____

Đánh giá về kế hoạch bài dạy: _____

Công cụ CNTT sử dụng:

Thực hành và luyện tập	Trình chiếu	Bản đồ tư duy	Bài viết chia sẻ	Câu chuyện hình ảnh	Mô phỏng	Khác

TIÊU CHÍ	ĐÁNH GIÁ				
	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Nhận xét
I. Mục tiêu (tối đa 5 điểm)					
1.1. Mục tiêu thể hiện rõ kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt được					
1.2. Mục tiêu có thể đo lường được					
1.3. Có thể đạt được mục tiêu trong khoảng thời gian đã định					
1.4. Khi thiết kế mục tiêu, người dạy đã xem xét bài học như một đơn vị trong chương trình học					

Tổng điểm:					
II. Nội dung (tối đa 20)					
2.1. Chính xác, rõ ràng, hệ thống, và khoa học					
2.2. Được xây dựng phù hợp trên kiến thức đã có					
2.3. Gợi mở vấn đề và thúc đẩy quá trình tư duy của người học					
2.4. Phù hợp với các giá trị văn hóa, đạo đức và truyền thống					
2.5. Gắn với thực tế, môi trường địa phương (nếu có)					
2.6. Phù hợp với đối tượng người học					
2.7. Đáp ứng mục tiêu của giờ học					
Tổng điểm:					
III. Các hoạt động dạy và học (tối đa 40 điểm)					
3.1. Các hoạt động được thiết kế theo trình tự hợp lý					
3.2. Phân bổ thời gian cho các hoạt động hợp lý					
3.3. Sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù bộ môn					
3.4. Kết hợp tốt các phương pháp dạy học phù hợp với trình độ của người học					
3.5. Phát huy tính độc lập, sáng tạo và tích cực của người học					
3.6. Hệ thống câu hỏi rõ ràng, phù hợp					
3.7. Tổ chức các hoạt động dạy học					

khoa học, hấp dẫn, tạo hứng thú cho người học					
3.8. Trình bày rõ hoạt động của thầy và trò					
Tổng điểm:					
IV. Công nghệ (tối đa 20 điểm)					
4.1. Lựa chọn công nghệ phù hợp với nội dung dạy học, đảm bảo tính khoa học, mỹ thuật và sư phạm					
4.2. Khả năng xử lý thông tin phù hợp với bài dạy;					
4.3. Kết hợp tốt các công cụ CNTT trong DHTC					
4.4. Thể hiện sự tương tác giữa người dạy và người học					
<i>Trong bài này, CNTT được sử dụng để:</i>					
4.5. Hỗ trợ nội dung bài học: xây dựng tri thức, cách hiểu sâu sắc về bài học					
4.6. Khuyến khích, thúc đẩy người học trong quá trình học tập					
Tổng điểm:					
V. Lựa chọn sử dụng các phương tiện, thiết bị, tài liệu tham khảo (tối đa 10 điểm)					
5.1. Tài liệu tham khảo hỗ trợ cho nội dung bài học					
5.2. Khai thác và sử dụng hợp lý các phương tiện thiết bị dạy học					
Tổng điểm					
VI. Đánh giá (tối đa 5 điểm)					
6.1. Lựa chọn phương pháp, hình					

thức, công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu giờ dạy					
6.2. Có các hình thức đánh giá đa dạng (kiểm tra, đố, bài tập...) khuyến khích người học tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau					
Tổng điểm:					

Thông tin thống kê

<i>Trong giờ học, người học sử dụng CNTT vào:</i>	Có	Không	Nhận xét
Việc tạo văn bản, tài liệu (VD: tài liệu phát tay, bản trong đánh bằng chương trình tạo văn bản).			
Việc soạn các bài trình bày trong quá trình giảng (VD: PowerPoint, phần mềm tạo các bài trình bày).			
Tích hợp trong các hoạt động học tập của người học (VD: phần mềm mô phỏng, gói dữ liệu, phần mềm bản đồ tư duy, chia sẻ bài viết, câu chuyện bằng hình ảnh).			
Tiếp cận thông tin phi trực tuyến (thông tin, hình ảnh, âm thanh, đoạn phim qua đĩa CD-ROM/DVD) như là tài liệu nguồn trong khi thực hiện bài dạy.			
Tiếp cận thông tin trực tuyến (qua Internet/WWW) như là tài liệu nguồn trong khi thực hiện bài dạy.			
Truyền thông điện tử với người học (email, WWW) trong khi thực hiện bài học hoặc thực hiện các hoạt động tiếp theo sau bài học			
Quản lý lớp học trong lớp học có trang bị máy tính (VD phần mềm NetOp).			

Phiếu đánh giá kế hoạch bài học

Họ tên người thiết kế:.....
 Tên bài:.....Lớp.....
 Họ tên người đánh giá:.....
 Chức vụ:.....

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Nhận xét
1. Hiểu biết về đối tượng (người học)	2		
1.1. Nêu được những kiến thức HS/SV đã biết có liên quan đến bài học.	1		
1.2. Nêu được những kiến thức mới cần hình thành	1		
2. Mục tiêu	2		
2.1. Xác định đúng nội dung phù hợp với trình độ học sinh.	1		
2.2. Viết cụ thể mục tiêu; là đích của bài học và là căn cứ để đánh giá kết quả bài học.	1		
3. Chuẩn bị	5		
3.1. Nêu rõ đồ dùng dạy học cho người dạy/người học; Đồ dùng dạy học đa dạng, phù hợp, khả thi.	1		
3.2. Các bài tập, nhiệm vụ thể hiện: - Đa dạng, cụ thể, - Có sự phân hóa, phù hợp với từng đối tượng, - Phù hợp với nội dung bài học, kích thích HS sáng tạo.	4		
4. Các hoạt động dạy- học	11		
4.1. Tập trung vào trọng tâm của bài học, đảm bảo tính thống nhất giữa mục tiêu đề ra với các hoạt động dạy và học	3		
4.3. Tổ chức/hướng dẫn HS thể hiện rõ: - Tính đặc trưng của PPDH ; - Tạo điều kiện cho người học tích cực tham gia vào các hoạt động học tập (cá nhân/nhóm), chủ động, tự giác, sáng tạo, học sâu và học thoải	6		

mái ; - Có sự tương tác và có sự hỗ trợ phù hợp của GV.			
4.4. Phân bố thời gian cho các hoạt động học tập hợp lý.	1		
4.5. Tổ chức hoạt động đánh giá linh hoạt, sáng tạo: - Kết hợp đánh giá của GV và HS; - Tạo điều kiện cho HS đánh giá lẫn nhau.	1		
Tổng cộng	20		

Đánh giá

Tốt (18-20 điểm)

Khá(15-17,5 điểm)

Trung bình (10.5-14.5 điểm)

Yếu (dưới 10 điểm).

Công cụ dự giờ /đánh giá giờ học

Thông tin chung	
Về người đánh giá	
Họ tên	
Chức vụ	
Môn giảng dạy và lớp	
E-mail	
Điện thoại	

Về giáo viên thực hiện giờ học	
Tên giờ học	
Họ tên giáo viên	
Môn	
Lớp/trình độ	
Tên trường	
Ngày dạy	
Thời gian của giờ học (từ.....hđến.....h.....)	

1) Đồ dùng dạy học và tài liệu sử dụng

Trong bài học này, các phương tiện và tài liệu sau được sử dụng:

2) Nội dung giờ học

Trong bài học này, nội dung...	Rất rõ ràng	Rõ ràng	Rõ ràng một phần nào	Không rõ ràng chút nào
--------------------------------	-------------	---------	----------------------	------------------------

Trong bài học này, nội dung...	Rất rõ ràng	Rõ ràng	Rõ ràng một phần nào	Không rõ ràng chút nào
liên quan đến nhận thức của học sinh (cách học sinh nhìn nhận về thế giới xung quanh).				
liên quan đến lứa tuổi và trình độ của học sinh.				
được xây dựng trên kiến thức và kinh nghiệm mà học sinh đã có.				
Đạt được mục tiêu của bài học.				

Nhận xét chung:

3) Hoạt động của giáo viên

Trong bài học này, giáo viên...	Rất rõ ràng	Rõ ràng	Rõ ràng một phần nào	Không rõ ràng chút nào
bắt đầu bài học khi mà mọi học sinh đều được tham gia.				
tổ chức các hoạt động học tập có ý nghĩa, thú vị và mang tính thách thức.				
lôi cuốn mọi học sinh tham gia vào hoạt động học tập.				
tạo môi trường học tập thoải mái và thân thiện cho học sinh (ví dụ: đưa ra các phản hồi mang tính khuyến khích,...).				
đánh giá kết quả học tập của người học.				
theo dõi quá trình học tập và có điều chỉnh khi cần thiết				
tăng cường tương tác giữa giáo viên với học sinh và tương tác giữa học sinh với học sinh				
Đưa ra các hướng dẫn rõ ràng và dễ hiểu cho các hoạt động/bài tập				

Trong bài học này, giáo viên...	Rất rõ ràng	Rõ ràng	Rõ ràng một phần nào	Không rõ ràng chút nào
Chú ý tới các trình độ khác nhau của học sinh (quan tâm tới những học sinh gặp khó khăn trong học tập, khuyến khích học sinh giúp đỡ các bạn học yếu hơn).				

Nhận xét chung về việc dạy của giáo viên:

4) Hoạt động của học sinh

Trong giờ học này, học sinh...	Rất rõ ràng	Rõ ràng	Rõ ràng một phần nào	Không rõ ràng chút nào
hứng thú với chủ đề bài học, đặt câu hỏi, nêu các ý kiến, suy nghĩ cá nhân.				
có thể học tập thoải mái và tự nhiên theo tốc độ của riêng mình.				
hợp tác với nhau trong quá trình học tập.				

Nhận xét chung: Trong giờ học này, người học có tham gia một cách tích cực vào quá trình học tập không?

5) Tổ chức và quản lý lớp học

	Rất rõ ràng	Rõ ràng	Rõ ràng một phần nào	Không rõ ràng chút nào
Giờ học được tổ chức linh hoạt và thời gian phân bố cho các hoạt động học tập khác nhau là phù hợp.				
Điều kiện cơ sở vật chất trong lớp học đầy đủ				
Môi trường lớp học thân thiện, hợp tác.				
Việc sắp xếp bàn ghế thuận lợi cho dạy và học tích cực.				
Đồ dùng dạy học hỗ trợ thực hiện các mục tiêu học tập.				
giáo viên sử dụng CNTT để thúc đẩy việc học của học sinh				
Xin nêu rõ:				
Học sinh sử dụng CNTT một cách hiệu quả cho quá trình học tập của mình				
Xin nêu rõ:				

6) Kết quả và sản phẩm

Trong giờ học này...	Rất rõ ràng	Rõ ràng	Rõ ràng một phần nào	Không rõ ràng chút nào
mục tiêu học tập được tóm tắt vào cuối giờ học.				
đạt được các mục tiêu học tập.				

học sinh có thể áp dụng những kiến thức và kỹ năng đã đạt được				
--	--	--	--	--

7) Nhận xét chung:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phiếu đánh giá giờ dạy có ứng dụng CNTT

Họ tên người dạy:.....

Tên bài:.....Lớp.....

Họ tên người đánh giá:.....

Chức vụ:.....

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Nhận xét
1. Nội dung	6		
Chính xác về khoa học bộ môn, về quan điểm tư tưởng	2		
Đủ nội dung cơ bản và đáp ứng đầy đủ mục tiêu bài học; có tính hệ thống; nhấn mạnh đúng trọng tâm	2		
Liên hệ thực tế phù hợp và có tính giáo dục; có sử dụng tài liệu minh họa cho bài giảng điện tử chính xác, có ý nghĩa, sát với nội dung bài học, đúng lúc, đúng liều lượng.	2		
2. Phương pháp	4		
Phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng bộ môn, với nội dung của kiểu bài lên lớp	2		
Kết hợp tốt các phương pháp trong hoạt động dạy và học; kết hợp tốt việc ứng dụng CNTT với các phương pháp dạy học phù hợp với nội dung của kiểu bài lên lớp.	2		
3. Phương tiện và kỹ thuật	4		
Kết hợp tốt việc sử dụng phương tiện cho bài giảng điện tử và các phương tiện, thiết bị dạy học khác phù hợp với nội dung của kiểu bài lên lớp (khi cần thiết).	2		
Thiết kế các slide đẹp, khoa học, phù hợp với đặc trưng bộ môn; màu sắc hài hòa, phối màu giữa phông nền và chữ hợp lý, phù hợp với nội dung; hình và cỡ chữ, kiểu chữ rõ; các hiệu ứng hình ảnh, màu sắc, âm thanh được sử dụng hợp lý, không lạm dụng; bài trình chiếu có hệ thống, dễ	2		

theo dõi, có cấu trúc rõ ràng; HS ghi được bài.			
4. Tổ chức lớp học	4		
Thực hiện linh hoạt các khâu lên lớp, phân phối thời gian hợp lý ở các phần, các khâu.	3		
Tổ chức và điều khiển HS học tập tích cực, chủ động phù hợp với nội dung của kiểu bài; đảm bảo tính tương tác GV-HS, HS-GV, HS-HS.	6		
5. Hiệu quả/Kết quả	2		
Việc ứng dụng CNTT&TT giúp GV tổ chức tốt hoạt động dạy học, tạo hứng thú trong học tập của HS, góp phần đổi mới phương pháp dạy học. HS ghi được bài, đa số HS hiểu bài, nắm vững trọng tâm, biết vận dụng kiến thức.	2		
Tổng cộng	20		

Cách xếp loại:

- Loại giỏi: Điểm tổng cộng từ 17 đến 20 trong đó các yêu cầu 1, 4, 6, 9 phải đạt 2 điểm.
- Loại khá: Điểm tổng cộng từ 13 đến 16,5 trong đó các yêu cầu 1, 4, 6, 9 phải đạt từ 1,5 đến dưới 2 điểm.
- Loại TB: Điểm tổng cộng từ 10 đến 12,5
- Loại kém: Điểm tổng cộng đạt 9,5 điểm trở xuống.